

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **35/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 14/9/2020

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Thiện: Cán bộ hưu trí.

2. Ông Nguyễn Đình Danh: Giáo viên Trường Tiểu học Trần Văn Ôn.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Phan Thị Thu H, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị đơn:** Ông Lê Tấn Đ, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin vắng mặt bà Phan Thị Thu H trình bày như sau:**

Bà Phan Thị Thu H (nguyên đơn) và ông Lê Tấn Đ (bị đơn) qua thời gian tìm hiểu đến ngày 06/5/2019 đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Đắk Lắk là hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng càng về sau càng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng còn quá trẻ nên tìm

hiếu chưa kỹ, không tìm được tiếng nói chung, bị đơn còn chơi bời, thiếu trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn. Mặc dù nguyên đơn cũng như hai bên gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn cứng đầu bất chấp không thay đổi, vì vậy vợ chồng đã duy trì cuộc sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Bị đơn** ông Lê Tấn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không thể hiện được quan điểm cũng như nguyện vọng tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên HĐXX căn cứ các điều 227, 228 BLTTDS để xét xử vụ án.

[3] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Nguyên đơn và bị đơn qua thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 06/5/2019 tại UBND xã N, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk là đúng quy định.

Theo nguyên đơn, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung... gia đình hai bên đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng quan hệ hôn nhân giữa các bên vẫn không thay đổi nên vợ chồng ly thân từ tháng 10/2019 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không tham gia phiên tòa cũng như các buổi hòa giải đoàn tụ của Tòa án, không thể hiện được thiện chí muốn hàn gắn tình cảm, tháo gỡ mâu thuẫn. Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho biết quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn... đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không thể hàn gắn được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên

cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[4.2] Về con chung: Không có.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố nguyên đơn bà Phan Thị Thu H được ly hôn với bị đơn ông Lê Tấn Đ.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Phan Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số: AA/2019/0007149 ngày 20/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- CCTHADS huyện C;
- Đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH